

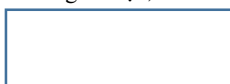
ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
(Áp dụng cho Khách hàng cá nhân vay từng lần trên cơ sở nhu cầu vốn của Hộ kinh doanh/
Doanh nghiệp tư nhân)

Điều 1. Định Nghĩa

Trong Hợp Đồng, trừ khi được quy định khác đi tại từng điều khoản cụ thể, các thuật ngữ được định nghĩa như sau:

- 1.1. “**Bên Sử Dụng Vốn**”: là Hộ Kinh Doanh hoặc Doanh Nghiệp Tư Nhân mà Khách Hàng là chủ, được phép sử dụng vốn vay với thông tin nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.
- 1.2. “**Hợp Đồng**” là Hợp đồng tín dụng, bao gồm nội dung trong Hợp đồng tín dụng, Điều khoản và Điều kiện chung Hợp đồng tín dụng và các phụ lục và/hoặc bản sửa đổi/bổ sung/ điều chỉnh (nếu có).
- 1.3. “**Hợp Đồng Bảo Đảm**” là (các) thỏa thuận và/hoặc văn bản về việc cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ,... được ký kết bởi/giữa Ngân Hàng và/hoặc Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba mà theo đó, Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba dùng quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của mình đối với tài sản và/hoặc dùng uy tín, cam kết của mình để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách Hàng theo Hợp Đồng và các văn bản, thỏa thuận khác kèm theo (nếu có).
- 1.4. “**Khoản Vay**” là tổng số tiền đã được Ngân Hàng giải ngân cho Khách Hàng theo các Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ căn cứ vào Hợp Đồng.
- 1.5. “**Khách Hàng**” là bên được cấp tín dụng với thông tin tại phần đầu Hợp Đồng.
- 1.6. “**Ngày Làm Việc**” là bất kỳ ngày nào, trừ thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và ngày mà Ngân Hàng được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quyết định của người/cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 1.7. “**Ngân Hàng**” là bên cấp tín dụng với thông tin tại phần đầu của Hợp Đồng.
- 1.8. “**Nợ Quá Hạn**” là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi không được hoàn trả đầy đủ vào ngày đến hạn.
- 1.9. “**Thời Gian Ân Hạn**” là khoảng thời gian mà Khách Hàng không phải trả nợ gốc, chỉ thanh toán nợ lãi.
- 1.10. “**Thời Hạn Cho Vay**” là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên đến thời điểm Khách Hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa Khách Hàng và Ngân Hàng. Trường hợp ngày cuối cùng của Thời Hạn Cho Vay không phải là Ngày Làm Việc, thì chuyển sang Ngày Làm Việc tiếp theo.
- 1.11. “**Thời Hạn Rút Vốn Vay**”: là khoảng thời gian mà Khách Hàng được phép rút vốn vay và được quy định tại Hợp Đồng.
- 1.12. “**Thời Hạn Rút Vốn Vay Lần Đầu**” là khoảng thời gian mà Khách Hàng được phép rút vốn vay lần đầu và được quy định tại Mục I của Hợp Đồng này.
- 1.13. “**Sự Kiện Vi Phạm**” là các sự kiện được quy định tại Điều 10.1 của Hợp Đồng này.
- 1.14. “**Văn Kiện Tín Dụng**” là (các) thỏa thuận và/hoặc văn bản quy định về việc cấp và sử dụng Khoản Vay bao gồm nhưng không giới hạn bởi Hợp Đồng, Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ, Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn,... cùng tất cả các phụ lục, sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo khác (nếu có) được ký kết bởi/giữa Ngân Hàng và/hoặc Khách Hàng.

Điều 2. Rút Vốn Vay



- 2.1. Quá Thời Hạn Rút Vốn Vay Lần Đầu hoặc Thời Hạn Rút Vốn Vay, Khách Hàng đương nhiên bị mất quyền sử dụng Khoản Vay hoặc giá trị Khoản Vay còn lại. Tuy nhiên, việc quyết định có tiếp tục giải ngân hay không sẽ được Ngân Hàng quyết định căn cứ vào tình hình thị trường và khả năng thu xếp nguồn vốn của Ngân Hàng.
- 2.2. Phương thức giải ngân:
Ngân Hàng sẽ giải ngân Khoản Vay cho Khách Hàng bằng việc giao cho Khách Hàng một khoản tiền thông qua dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và/hoặc bằng tiền mặt theo qui định của pháp luật để thanh toán cho Bên thụ hưởng theo mục đích sử dụng vốn vay.

Điều 3. Lãi Trong Hạn

- 3.1. Phương pháp tính lãi trong hạn:

Tiền lãi vay trong hạn bằng (=) dư nợ gốc thực tế nhân (x) với Lãi suất vay trong hạn nhân (x) với số ngày vay thực tế rồi chia (:) cho 365 (ngày)

Trong đó, số ngày vay thực tế của từng khoản rút vốn được tính từ ngày rút vốn vay trên Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ cho đến ngày trước ngày thực thanh toán nhưng không vượt quá ngày đến hạn. Trường hợp Khách Hàng trả nợ ngay trong ngày rút vốn vay, số ngày vay thực tế sẽ được tính là một (01) ngày.

- 3.2. Lãi suất tham chiếu:

Lãi suất tham chiếu được quy định tại Hợp Đồng là chi phí vốn thị trường được Ngân Hàng xác định hàng tháng dựa trên Lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm của Ngân Hàng và ba (03) Ngân Hàng khác mà Ngân Hàng tham chiếu, Lãi suất bình quân tiền gửi liên Ngân Hàng (VNIBOR), trái phiếu chính phủ kỳ hạn mười hai (12) tháng và Biên độ chi phí của Ngân Hàng

- 3.3. Trường hợp Khách Hàng đề nghị hợp nhất các khoản rút vốn vay hiện hữu và được Ngân Hàng chấp thuận thì lãi suất cho vay của tất cả các khoản rút vốn vay đề nghị hợp nhất này sẽ được ấn định lại theo mức lãi suất vào ngày hợp nhất. Mức lãi suất được ấn định lại này được áp dụng cho toàn bộ dư nợ vay thực tế trong suốt Thời Hạn Cho Vay còn lại. Tiền lãi vay phát sinh đến ngày liền trước ngày hợp nhất và các khoản lãi, phí khác (nếu có) của các khoản rút vốn vay đề nghị hợp nhất này sẽ được thu trước khi thực hiện hợp nhất.

Điều 4. Lãi Quá Hạn

- 4.1. Lãi suất quá hạn:

- (a) Lãi suất quá hạn áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn được tính bằng 150% Lãi Suất Trong Hạn áp dụng tại thời điểm chuyển Nợ Quá Hạn (“**Lãi Suất Quá Hạn**”);
- (b) Lãi suất quá hạn áp dụng đối với khoản nợ lãi quá hạn bằng với Lãi Suất Quá Hạn nhưng không vượt quá 10%/năm;

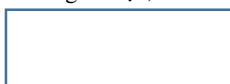
- 4.2. Phương pháp tính lãi quá hạn:

- (a) Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bằng (=) nợ gốc quá hạn nhân (x) với số ngày thực tế quá hạn, nhân (x) Lãi Suất Quá Hạn, rồi chia (:) cho 365 (ngày).
- (b) Tiền lãi trên nợ lãi quá hạn bằng (=) nợ lãi quá hạn nhân (x) với số ngày thực tế quá hạn, nhân (x) với Lãi Suất Quá Hạn (không quá 10%/năm), rồi chia (:) cho 365 (ngày).

Trong đó, số ngày thực tế quá hạn được tính từ ngày đến hạn trả nợ cho đến ngày trước ngày mà Khách Hàng thực trả số nợ gốc hoặc nợ lãi quá hạn tương ứng.

Điều 5. Phí

Khách Hàng thanh toán các loại phí liên quan đến việc cấp tín dụng và thực hiện các giao dịch theo Hợp Đồng và quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.



Điều 6. Trả nợ

6.1. Trả nợ gốc:

- (a) Khách Hàng phải trả nợ gốc của Khoản Vay cho Ngân Hàng vào các Ngày trả nợ gốc được qui định cụ thể trong các Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.
- (b) Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba bất kỳ (không phải Khách Hàng) có thể trả nợ gốc trước hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - (i) Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba đã trả hết các khoản nợ gốc và lãi đến hạn và quá hạn (nếu có); và
 - (ii) Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba đã thanh toán đầy đủ cho Ngân Hàng phí trả nợ trước hạn, các khoản phí, lệ phí khác có liên quan, tiền phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có); và
 - (iii) Được Ngân Hàng chấp thuận dựa vào chính sách cho vay của Ngân Hàng trong từng thời kỳ.

6.2. Nợ Quá Hạn

- (a) Ngân Hàng được quyền đơn phương chuyển Nợ Quá Hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau (không áp dụng cho trường hợp Khách Hàng đã có văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ và đã được chấp thuận bởi Ngân Hàng như được đề cập cụ thể tại Điều 6.3):
 - (i) Khi Khách Hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản gốc và/hoặc lãi và/hoặc phí nào vào ngày đến hạn trả nợ; hoặc
 - (ii) Khi Ngân Hàng tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm theo Điều 10;
- (b) Khi một khoản nợ bị quá hạn, Ngân Hàng sẽ áp dụng Lãi Suất Quá Hạn cho khoản nợ đó;
- (c) Trong suốt thời gian phát sinh Nợ Quá Hạn, mọi yêu cầu giải ngân của Khách Hàng tại Ngân Hàng sẽ do Ngân Hàng toàn quyền xem xét quyết định đối với từng trường hợp.

6.3. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

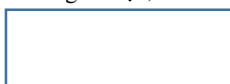
- (a) Trường hợp cần cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì chậm nhất 15 Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn của Kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi, Khách Hàng phải gửi văn bản đề nghị đến Ngân Hàng, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lịch trả nợ mới và các hồ sơ theo yêu cầu của Ngân Hàng.
- (b) Ngân Hàng có toàn quyền quyết định chấp thuận hoặc từ chối cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ được xem là đã được đồng ý khi Ngân Hàng phát hành văn bản chấp thuận về việc đó.

6.4. Đồng tiền trả nợ vay:

Đồng tiền Khách Hàng sử dụng để trả nợ vay (gốc, lãi) phải là Đồng tiền cho vay. Đồng tiền sử dụng để thanh toán phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo Hợp Đồng là đồng Việt Nam. Trường hợp Ngân Hàng tự động trích tài khoản tiền gửi của Khách Hàng để thu nợ thì Ngân Hàng có quyền chuyển đổi số tiền thu nợ trên tài khoản đó sang đồng tiền trả nợ theo tỷ giá niêm yết của Ngân Hàng tại thời điểm chuyển đổi phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6.5. Thứ tự thu nợ:

- (a) Khoản nợ trong hạn sẽ được thu theo thứ tự như sau: các khoản chi phí, phí của Ngân Hàng, các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trên dư nợ gốc trong hạn, các khoản nợ gốc đến hạn và các khoản có liên quan khác. Ngân Hàng bằng quyền tự quyết của mình có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên này mà không cần được Khách Hàng đồng ý.

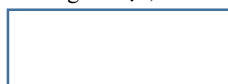


- (b) Đối với Nợ Quá Hạn, thứ tự thu nợ được thực hiện như sau: chi phí để xử lý và thu hồi Nợ Quá Hạn, nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn trên gốc, lãi quá hạn trên lãi, lãi đến hạn và các loại phí và các khoản có liên quan khác. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Ngân Hàng thực hiện thu nợ theo thứ tự sau đây: (i) nợ gốc đã quá hạn, (ii) nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (bao gồm lãi đến hạn chưa thanh toán, lãi quá hạn trên gốc, lãi quá hạn trên lãi), (iii) nợ gốc đến hạn, (iv) nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
- (c) Trong trường hợp Khoản Vay được trả nợ trước hạn một phần, số tiền trả nợ trước hạn sẽ được dùng để thanh toán cho (các) kỳ trả nợ gốc tiếp theo của Khoản Vay, số tiền gốc của (các) kỳ trả nợ còn lại (nếu có) không thay đổi, trừ trường hợp được Ngân Hàng chấp thuận khác đi.
- (d) Vào ngày đến hạn trả nợ, Ngân Hàng được tự động trích tiền từ bất kỳ các tài khoản nào của Khách Hàng mở tại Ngân Hàng để thu nợ.

Điều 7. Tài Sản Bảo Đảm

(Không áp dụng trong trường hợp không có tài sản bảo đảm)

- 7.1. Thông tin chi tiết về (các) tài sản bảo đảm và việc bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách Hàng được quy định cụ thể trong (các) Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.
- 7.2. Khách Hàng có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục cần thiết để thế chấp, cầm cố, ký quỹ... tài sản bảo đảm cho Ngân Hàng theo chỉ dẫn của Ngân Hàng và qui định pháp luật.
- 7.3. Ngân Hàng tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 7.4. Đối với (các) tài sản bảo đảm phải mua bảo hiểm theo quy định của Ngân Hàng trong từng thời điểm:
 - (a) Khách Hàng phải bảo đảm luôn duy trì bảo hiểm cho tài sản bảo đảm trong suốt thời gian từ trước khi giải ngân đến khi đã hoàn tất mọi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng theo các điều kiện và yêu cầu của Ngân Hàng, trong đó, Ngân Hàng là Bên thụ hưởng đầu tiên và mọi thay đổi liên quan đến tài sản được bảo hiểm, Bên thụ hưởng và số tiền bảo hiểm (nếu có) phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân Hàng;
 - (b) Các chứng từ chứng minh việc mua bảo hiểm tài sản phải được cung cấp cho Ngân Hàng để lưu giữ theo yêu cầu của Ngân Hàng. Số tiền bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm sẽ được xem như một phần không tách rời của tài sản bảo đảm;
 - (c) Thời hạn hiệu lực của bảo hiểm phải được duy trì trong suốt thời hạn từ trước khi giải ngân đến khi đã hoàn tất mọi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng. Trong trường hợp thời hạn hiệu lực của bảo hiểm ngắn hơn thời hạn này, Khách Hàng có trách nhiệm gia hạn bảo hiểm và cung cấp giấy chứng nhận bảo hiểm mới cho Ngân Hàng ít nhất trong vòng 30 Ngày Làm Việc trước ngày hết hiệu lực của bảo hiểm. Nếu Khách Hàng không cung cấp giấy chứng nhận bảo hiểm mới theo quy định tại điều này thì Ngân Hàng có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ:
 - (i) Lựa chọn công ty bảo hiểm và tự động trích tiền từ bất kỳ tài khoản nào của Khách Hàng tại Ngân Hàng để nhân danh Khách Hàng mua/gia hạn bảo hiểm với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng với giá trị của tài sản bảo đảm hoặc nghĩa vụ được bảo đảm mà không cần Khách Hàng chấp thuận hay ký bất cứ hồ sơ/giấy tờ nào; và/hoặc
 - (ii) Đơn phương tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm và tiến hành thu hồi nợ như quy định tại Hợp Đồng;
 - (d) Trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng, Khách Hàng đồng ý cho Ngân Hàng được quyền cung cấp thông tin Khách Hàng/Bên Sử Dụng Vốn và tài sản bảo đảm cho công ty bảo hiểm mà Ngân Hàng lựa chọn để hỗ trợ Khách Hàng thực hiện mua/gia hạn bảo hiểm, yêu cầu bồi thường hoặc những vấn đề khác liên quan đến bảo hiểm
 - (e) Khách Hàng theo đây đồng ý không hủy ngang để Ngân Hàng với tư cách là bên thụ hưởng và/hoặc ủy quyền cho Ngân Hàng sẽ trực tiếp nhận các khoản bồi thường bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra.



Ngân Hàng tùy theo quyết định của mình có thể sử dụng các khoản bồi thường bảo hiểm để khấu trừ các khoản chi phí cần thiết (nếu có) và thu nợ (kể cả việc thu nợ trước hạn) trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Nếu các khoản bồi thường bảo hiểm chưa đủ để trả nợ thì Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản hoặc biện pháp đảm bảo khác được Ngân Hàng chấp nhận. Nếu các khoản bồi thường bảo hiểm còn dư, Ngân Hàng sẽ hoàn trả lại phần còn dư đó cho Khách Hàng.

- 7.5. Trong trường hợp, Ngân Hàng tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm mà Khách Hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng, Ngân Hàng được toàn quyền và Khách Hàng đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo các phương thức được quy định cụ thể trong (các) Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan. Đồng thời, các khoản nợ khác tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Ngân Hàng đương nhiên được quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ.
- 7.6. Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm thì Ngân Hàng có quyền lựa chọn một hoặc các biện pháp bất kỳ nào trong số các biện pháp bảo đảm đó để xử lý theo thứ tự do Ngân Hàng quyết định nhằm thu hồi nợ. Việc thay đổi một hoặc một số biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc xử lý các biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm khác.
- 7.7. Trong trường hợp Khách Hàng không đồng thời là Bên bảo đảm, Khách Hàng mặc nhiên thừa nhận và đồng ý với nội dung Hợp Đồng Bảo Đảm, biện pháp bảo đảm mà không phụ thuộc vào việc Khách Hàng có tham gia ký kết, xác lập Hợp Đồng Bảo Đảm, biện pháp bảo đảm hay không.

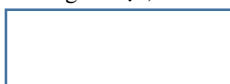
Điều 8. Quyền và Nghĩa Vụ của Ngân Hàng

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định theo (các) Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và theo quy định của pháp luật, Ngân Hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

8.1. Quyền của Ngân Hàng:

- (a) Từ chối cho vay và/hoặc ngừng giải ngân tiền vay khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- (i) Khách Hàng/Bên Sử Dụng Vốn không đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục vay vốn/giải ngân theo yêu cầu của Ngân Hàng; hoặc
 - (ii) Khách Hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định của Hợp Đồng, Hợp Đồng Bảo Đảm và các Văn Kiện Tín Dụng.
 - (iii) Khách Hàng có phát sinh (i) thêm dư nợ và/hoặc phát sinh Nợ Quá Hạn tại bất kỳ Tổ chức tín dụng nào; hoặc (ii) xảy ra Sự kiện vi phạm mà Ngân hàng đánh giá là có khả năng ảnh hưởng đến khả năng tài chính để trả nợ cho Ngân hàng.

Riêng đối với trường hợp Khách Hàng có các khoản cấp tín dụng liên quan đến các dự án đầu tư phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường theo quy định pháp luật hiện hành, Ngân Hàng có quyền (i) từ chối giải ngân và/hoặc tăng lãi suất cho vay nếu tại thời điểm giải ngân Dự án được đánh giá (lại) có rủi ro về môi trường và/hoặc nâng hạng rủi ro về môi trường, hoặc (ii) ghi nhận và xử lý Sự Kiện Vi Phạm theo Điều 10 dưới đây.



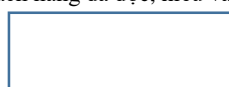
- (b) Kiểm tra (định kỳ hoặc đột xuất) hoặc yêu cầu Khách Hàng thông báo, cung cấp các báo cáo, tài liệu chứng minh về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, tài sản, thu nhập của Khách Hàng/ Bên Sử Dụng Vốn, về tài sản bảo đảm, hoặc các thông tin khác liên quan đến Khoản Vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng;
- (c) Yêu cầu Khách Hàng sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Khách Hàng/Bên Sử Dụng Vốn để thanh toán các khoản nợ cho Ngân Hàng đầy đủ, đúng hạn;
- (d) Trường hợp để thanh toán cho bất cứ khoản nợ gốc, nợ lãi, phí nào đã đến hạn mà chưa được Khách Hàng thanh toán hoặc ngay khi Ngân Hàng tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm, Ngân Hàng được quyền tự động:
 - (i) Phong tỏa bất kỳ tài khoản nào của Khách Hàng tại Ngân Hàng;
 - (ii) Trích tiền ký quỹ, tiền trong tài khoản hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác của Khách Hàng tại Ngân Hàng và/hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng khác ngay lập tức trích và chuyển cho Ngân Hàng bất kỳ khoản tiền nào của Khách Hàng tại tổ chức tín dụng đó được dùng làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng;
 - (iii) Xử lý giấy tờ có giá của Khách Hàng tại Ngân Hàng và/hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng khác ngay lập tức xử lý giấy tờ có giá của Khách Hàng tại tổ chức tín dụng đó được dùng làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng.

Nếu loại tiền trích hoặc thu được khác với loại tiền trả nợ thì áp dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ do Ngân Hàng xác định tại thời điểm trích hoặc thu được;

- (e) Yêu cầu Khách Hàng thực hiện thay thế và/hoặc bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc (các) biện pháp bảo đảm khác trong trường hợp: (i) Khoản Vay có tài sản bảo đảm nhưng tài sản bảo đảm không còn, bị mất mát, bị thu hồi hoặc giá trị của tài sản bảo đảm tại từng thời điểm theo xác định của Ngân Hàng không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng; hoặc (ii) Khách Hàng bị sụt giảm xếp hạng tín dụng theo kết quả đánh giá và quy định của Ngân Hàng;
- (f) Thay mặt Khách Hàng bổ sung các thông tin còn thiếu trên các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và các chứng từ có liên quan để hoàn thiện các văn bản này nhằm mục đích phục vụ giao dịch;
- (g) Đơn phương tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm và tiến hành thu hồi nợ như quy định tại các Văn Kiện Tín Dụng và các Hợp Đồng Bảo Đảm.

8.2. Nghĩa vụ của Ngân Hàng:

- (a) Trong khả năng của mình, thu xếp cấp tín dụng đầy đủ và kịp thời theo thỏa thuận khi Khách Hàng xuất trình đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo yêu cầu của Ngân Hàng;
- (b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng và bảo mật các thông tin có được từ Khách Hàng cho mục đích ký kết và thực hiện các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm, các tài liệu khác có liên quan và không được cung cấp cho bên thứ ba. Bằng việc ký kết Hợp đồng này, Khách Hàng đồng ý không hủy ngang và vô điều kiện để Ngân hàng toàn quyền cung cấp, xử lý thông tin có được từ Khách Hàng mà không cần phải thực hiện bổ sung bất kỳ thủ tục xin chấp thuận nào trước của Khách Hàng trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Theo yêu cầu pháp luật hoặc nhằm tuân thủ các yêu cầu của thủ tục tố tụng, giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc trọng tài thương mại;
 - (ii) Cung cấp thông tin cho Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, cho (các) công ty thông tin tín dụng, cho tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật;
 - (iii) Cung cấp thông tin cho luật sư, bên tư vấn, kiểm toán độc lập, bên mua nợ hoặc bên nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ (nếu có) với điều kiện là bên nhận thông tin phải bảo mật các thông tin nhận được và chỉ sử dụng thông tin cho mục đích công việc phù hợp với chức năng hoạt động của bên nhận thông tin;



- (iv) Cung cấp thông tin cho các đơn vị thành viên khác thuộc Tập Đoàn Tài Chính Shinhan;
 - (v) Các trường hợp cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật như cung cấp thông tin theo yêu cầu của Khách Hàng, cơ quan hải quan, cơ quan thuế (kể cả cơ quan thuế nước ngoài), cơ quan điều tra, tòa án, cơ quan thi hành án và thừa phát lại và cơ quan phòng chống rửa tiền (kể cả cơ quan phòng chống rửa tiền nước ngoài);
 - (vi) Để thực hiện các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và các hợp đồng khác có liên quan;
 - (vii) Thông báo và cung cấp thông tin liên quan đến việc Khách Hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào và cho bất kỳ bên thứ ba nào phù hợp nhằm mục đích thu hồi nợ mà không cần phải thông báo hay phải được sự đồng ý trước của Khách Hàng.
 - (viii) Các trường hợp khác mà không vi phạm quy định của pháp luật.
- (c) Ngân Hàng cũng thông báo cho Khách Hàng về việc chấm dứt cho vay và/hoặc chuyển Nợ Quá Hạn bằng một trong các hình thức thông báo theo quy định tại Hợp Đồng. Nội dung thông báo tối thiểu gồm: thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; số dư nợ gốc bị quá hạn/ thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời điểm chuyển Nợ Quá Hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị quá hạn/ thu hồi trước hạn.

Điều 9. Quyền và Nghĩa Vụ của Khách Hàng

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định theo (các) Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và theo quy định của pháp luật, Khách Hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

9.1. Quyền của Khách Hàng:

- (a) Yêu cầu Ngân Hàng cấp vay theo thời hạn đã thỏa thuận;
- (b) Từ chối các yêu cầu của Ngân Hàng không đúng với các thỏa thuận trong Các Văn Kiện Tín Dụng hoặc trái với quy định của pháp luật.

9.2. Nghĩa vụ của Khách Hàng:

- (a) Sử dụng số tiền vay đúng mục đích, thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và phù hợp với quy định, pháp luật Việt Nam;
- (b) Chủ động thanh toán nợ gốc, lãi tiền vay và phí đúng hạn cho Ngân Hàng;
- (c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Ngân Hàng vào bất kỳ thời điểm nào và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, toàn vẹn của các thông tin, tài liệu đã cung cấp theo đúng mục đích vay vốn và/hoặc phương án vay vốn; tạo điều kiện cho Ngân Hàng kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sử dụng Hạn Mức Tín Dụng, mục đích sử dụng Hạn Mức Tín Dụng, tài sản bảo đảm cũng như khả năng trả nợ của Khách Hàng;
- (d) Trường hợp Khách Hàng có các khoản cấp tín dụng liên quan đến các Dự án đầu tư phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường theo quy định pháp luật hiện hành, Khách Hàng cam kết:
 - (i) Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng;
 - (ii) Tuân thủ các yêu cầu, khuyến nghị về các biện pháp giảm thiểu, khắc phục rủi ro về môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Ngân Hàng trong từng thời kỳ;



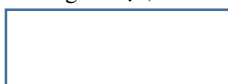
- (iii) Lập kế hoạch hành động và thời gian thực hiện cụ thể để giảm thiểu rủi ro về môi trường trước hoặc sau giải ngân theo cam kết hoặc yêu cầu của Ngân Hàng;
- (iv) Phối hợp cùng Ngân Hàng trong công tác giám sát rủi ro về môi trường định kỳ hoặc đột xuất;
- (v) Thông báo và hoặc cung cấp đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu của Ngân Hàng bao gồm nhưng không giới hạn: (a) các thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro về môi trường, (b) báo cáo về việc thực hiện các cam kết nhằm hạn chế rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, (c) các quyết định thanh tra, xử phạt hoặc các kết luận của cơ quan có thẩm quyền về rủi ro môi trường của Dự án và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã cung cấp và/hoặc thông báo;
- (e) Thanh toán đầy đủ cho Ngân Hàng các loại phí và chi phí liên quan đến việc cấp tín dụng, thu hồi nợ, quản lý Khoản Vay, chuyển đổi ngoại tệ, tư vấn tài chính và các khoản phí và chi phí khác phát sinh trong quá trình thực hiện các Văn Kiện Tín Dụng và (các) Hợp đồng bảo đảm nếu việc thu các loại phí này không trái với quy định của pháp luật có liên quan;
- (f) Thanh toán cho bên thứ ba các khoản phí và chi phí liên quan đến việc cấp tín dụng, bảo đảm bằng tài sản, bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí và chi phí thẩm định giá/giám định/định giá tài sản, công chứng/chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm. Các khoản phí và chi phí này do bên thứ ba quyết định. Khách Hàng theo đây đồng ý và xác nhận rằng Ngân Hàng có quyền tự động trích nợ từ bất kỳ tài khoản nào của Khách Hàng để thu các loại phí nói trên;
- (g) Thanh toán các khoản phí và chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, xử lý tài sản bảo đảm nhằm thu hồi nợ và/hoặc xử lý các khoản nợ (nếu có);
- (h) Không dùng tài sản bảo đảm nêu tại Hợp Đồng và hoặc (các) Hợp Đồng Bảo Đảm để bảo đảm cho nghĩa vụ của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác khi chưa hoàn thành xong mọi nghĩa vụ cho Ngân Hàng hoặc khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân Hàng;
- (i) Thanh toán khoản tiền còn lại cho Ngân Hàng trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản bảo đảm không đủ thanh toán tất cả các khoản nợ của Khách Hàng đối với Ngân Hàng;
- (j) Gia hạn thời hạn hiệu lực của từng Thư bảo lãnh bảo đảm cho Khoản Vay (nếu có), chứng thư bảo hiểm cho (các) tài sản bảo đảm có liên quan (nếu có) ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày hết hạn hiệu lực của các văn bản đó.
- (k) Cung cấp cho Ngân Hàng các báo cáo sau:
 - (i) Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý/năm của Bên Sử Dụng Vốn trong suốt Thời Hạn Cho Vay và cho đến khi Khách Hàng hoàn thành xong mọi nghĩa vụ theo các Văn Kiện Tín Dụng;
 - (ii) Báo cáo về tình trạng tài sản bảo đảm, cũng như giá trị còn lại của tài sản bảo đảm tính tới thời điểm 31 tháng 12 hàng năm nếu có tài sản bảo đảm.

Điều 10. Sự Kiện Vi Phạm

10.1. Tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm:

Ngân Hàng có quyền đơn phương tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm và thông báo cho Khách Hàng khi một trong các sự kiện sau xảy ra:

- (a) Khách Hàng không hoàn trả đầy đủ bất kỳ khoản nợ đến hạn nào theo các Văn Kiện Tín Dụng;
- (b) Bất kỳ Thư bảo lãnh hoặc Thư tín dụng dự phòng bảo đảm cho Khoản vay hoặc chứng thư bảo hiểm cho (các) tài sản bảo đảm có liên quan nào không được gia hạn hiệu lực trước ngày hết hạn hiệu lực tối thiểu 30 ngày (nếu có);



- (c) Khách Hàng không cung cấp được tài liệu theo yêu cầu của Ngân Hàng để kiểm tra việc sử dụng Khoản Vay; hoặc cung cấp tài liệu, thông tin sai sự thật; hoặc phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của Khách Hàng không được thực hiện hoặc không thể tiếp tục thực hiện;
- (d) Khách Hàng/Bên Sử Dụng Vốn sử dụng Khoản Vay sai mục đích, hoặc kinh doanh thua lỗ nhưng không khắc phục được, hoặc các tài sản bảo đảm bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị trầm trọng, bị thu hồi, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, hoặc xảy ra sự kiện bảo hiểm đối với các tài sản bảo đảm phải mua bảo hiểm theo quy định của Ngân Hàng, mà Ngân Hàng, bằng quyền tự quyết của mình, nhận định rằng các sự kiện đó có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Ngân Hàng;
- (e) Khách Hàng/Bên Sử Dụng Vốn bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, áp dụng hình phạt ...); hoặc Khách Hàng liên quan tới các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách Hàng;
- (f) Bên Sử Dụng Vốn có thay đổi đáng kể đến người đại diện/ điều hành, hoặc dùng phần lớn tài sản của mình để góp vốn, tham gia liên doanh, mua cổ phần mà Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách Hàng; hoặc thực hiện/bị buộc tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản;
- (g) Bên Sử Dụng Vốn thực hiện hoặc được yêu cầu thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập trừ trường hợp: (i) Khách Hàng đã hoàn tất mọi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng trước khi Bên Sử Dụng Vốn thực hiện các giao dịch này; hoặc (ii) Ngân Hàng đã có văn bản chấp thuận cho Bên Sử Dụng Vốn thực hiện giao dịch này;
- (h) Khách Hàng thay đổi địa chỉ liên lạc hoặc Bên Sử Dụng Vốn thay đổi địa chỉ trụ sở mà không thông báo cho Ngân Hàng;
- (i) Tình hình tài chính, thu nhập/doanh thu, tài sản của Khách Hàng/Bên Sử Dụng Vốn giảm sút mà Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách Hàng; phần lớn tài sản của Khách Hàng/Bên Sử Dụng Vốn bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp;
- (j) Khách Hàng bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị mất tích hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc không thông báo cho Ngân Hàng khi thay đổi nơi cư trú;
- (k) Trường hợp các nghĩa vụ của Khách Hàng theo Hợp Đồng được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - (i) Bên thứ ba là cá nhân hoặc hộ gia đình/hộ kinh doanh có thành viên là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị mất tích hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc không thông báo cho Ngân Hàng khi thay đổi nơi cư trú; hoặc
 - (ii) Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác tự thực hiện hoặc bị yêu cầu thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; hoặc không thông báo cho Ngân Hàng khi có thay đổi về địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc, cơ cấu tổ chức mà Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của Bên thứ ba;
 - (iii) Bên thứ ba vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào theo (các) Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (l) Khách Hàng không thể thực hiện đúng hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản nào của các Văn Kiện Tín Dụng và/hoặc các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan;
- (m) Bất cứ sự kiện nào phát sinh mà theo đánh giá hợp lý của Ngân Hàng có thể tác động xấu đến khả năng thực hiện một trong các nghĩa vụ của Khách Hàng như đề cập tại Hợp Đồng;
- (n) Xảy ra Sự Kiện Vi Phạm đối với bất kỳ Hợp Đồng tín dụng nào khác đã ký giữa Khách Hàng và Ngân Hàng.

10.2. Xử lý Sự Kiện Vi Phạm:

Mẫu số: 040101C.1.4
Hiệu lực: 09/2023

Khách hàng đã đọc, hiểu và đồng ý



Trang 9/12

Ngay khi tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm, tất cả khoản nợ của Khách Hàng tuy chưa đến hạn theo Hợp Đồng và các Hợp đồng tín dụng khác được ký giữa Ngân Hàng và Khách Hàng sẽ được coi là đến hạn. Ngay khi thông báo theo Điều 8.2 (c) Ngân Hàng có toàn quyền đơn phương lựa chọn tiến hành một hoặc các hành động sau để thu hồi toàn bộ các khoản nợ:

- (i) Chấm dứt việc cấp tín dụng và thu nợ một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ còn tồn đọng của Khách Hàng;
- (ii) Yêu cầu bên bảo đảm (nếu có) thực hiện nghĩa vụ trả thay cho Khách Hàng;
- (iii) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;
- (iv) Sử dụng các khoản bồi thường bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm của Khoản Vay để khấu trừ các khoản chi phí cần thiết (nếu có) và thu hồi nợ (kể cả việc thu hồi nợ trước hạn);
- (v) Khởi kiện Khách Hàng và các bên có liên quan ra tòa án có thẩm quyền để thu hồi các khoản nợ.

Điều 11. Thông Báo

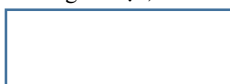
11.1. Bất kỳ thông báo, thư từ, xác nhận hoặc liên lạc nào khác từ Ngân Hàng đến Khách Hàng được thực hiện theo bất kỳ hình thức nào quy định dưới đây đến địa chỉ, số điện thoại/fax hoặc email mà Khách Hàng đã đăng ký với Ngân Hàng sẽ được xem là có hiệu lực vào thời gian được xác định như sau:

- (a) Trong trường hợp được giao tận tay hoặc gửi thư chuyển phát nhanh: vào ngày giao;
- (b) Trong trường hợp gửi thư thường: sau bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày gửi đi;
- (c) Trong trường hợp gửi bằng email, fax, tin nhắn hoặc các phương tiện điện tử khác: vào thời điểm gửi đi trừ khi Ngân Hàng nhận được thông báo “thư chưa gửi được”;
- (d) Trong trường hợp bằng điện thoại có ghi âm: vào lúc kết thúc cuộc gọi đó;
- (e) Trong trường hợp niêm yết tại bất kỳ Chi nhánh, Phòng giao dịch hoặc văn phòng nào của Ngân Hàng tại Việt Nam: sau mười (10) ngày kể từ ngày niêm yết;
- (f) Trong trường hợp đăng quảng cáo các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng hoặc công bố trên website của Ngân Hàng (shinhan.com.vn): sau hai (02) ngày kể từ ngày đăng.

Các Bên đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại/fax và email của Khách Hàng được đề cập trong Điều 11.1 này là địa chỉ, số điện thoại/fax và email của Khách Hàng được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng hoặc được đăng ký thay đổi với Ngân Hàng trong từng thời điểm. Việc đăng ký thay đổi phải được Khách Hàng gửi thông báo bằng văn bản đến Ngân Hàng và sẽ chỉ có hiệu lực sau năm (05) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác được Các Bên thỏa thuận) kể từ ngày Ngân Hàng nhận được thông báo này. Khách Hàng mặc nhiên được xem là đã nhận được/đồng ý mọi thông báo, thư từ, xác nhận hoặc liên lạc khác của Ngân Hàng nếu Ngân Hàng đã thực hiện đúng như được quy định tại đây. Ngân Hàng không có nghĩa vụ phải xác minh việc Khách Hàng đã nhận được các thông báo, thư từ, xác nhận hoặc liên lạc khác này hay chưa.

11.2. Khách Hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng::

- (a) Ít nhất 30 ngày trước khi Bên Sử Dụng Vốn có quyết định nội bộ chính thức về việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản;
- (b) Trong vòng 10 Ngày Làm Việc khi xảy ra một trong những sự kiện sau



- (i) Một trong các trường hợp quy định tại Điều 9.2 (d), 10.1(d), (e), (f), (g), (h), (i), (j) và (k) tại Hợp Đồng;
- (ii) Thay đổi về tên, địa chỉ, email, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác của Khách Hàng ảnh hưởng đến thông tin, liên lạc giữa Các Bên;
- (iii) Thay đổi tình trạng hôn nhân, phát sinh phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của Khách Hàng;
- (iv) Tăng hoặc giảm vốn điều lệ hay vốn đầu tư của Bên Sử Dụng Vốn

Thông báo của Khách Hàng được xem là có hiệu lực khi được gửi bằng hình thức giao trực tiếp hoặc gửi thư chuyển phát nhanh đến địa chỉ của Ngân Hàng, thời điểm có hiệu lực của thông báo được xác định vào ngày giao.

Điều 12. Chuyển Nhượng và Chuyển Giao

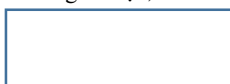
- 12.1. Ngân Hàng, bằng quyền tự quyết của mình, có thể bán hoặc chuyển nhượng hoặc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ khoản nợ của Khách Hàng và/ hoặc quyền, quyền lợi, nghĩa vụ Ngân Hàng theo các Văn Kiện Tín Dụng này cho bên thứ ba.
- 12.2. Khách Hàng không được chuyển nhượng hoặc chuyển giao Hợp Đồng cho bên thứ ba trong bất cứ trường hợp nào nếu không được sự đồng ý của Ngân Hàng bằng văn bản.
- 12.3. Trường hợp Hợp Đồng được chuyển giao cho một đơn vị khác trực thuộc Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam hoặc Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam có bất cứ sự thay đổi nào về tên, cấu trúc và hoạt động thì Các Bên không cần phải ký bất kỳ thỏa thuận nào để sửa đổi bổ sung Hợp Đồng cũng như (các) Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan (nếu có). Tuy nhiên, Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam hoặc Ngân Hàng hoặc đơn vị nhận chuyển giao phải thông báo bằng văn bản về việc chuyển giao và hoặc thay đổi nêu tại Điều 12.3 này cho Khách Hàng.

Điều 13. Luật Áp Dụng và Giải Quyết Tranh Chấp

- 13.1. Hợp Đồng được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 13.2. Bất kỳ tranh chấp nào, kể cả mâu thuẫn về mặt ngôn ngữ, phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng sẽ được Các Bên thương lượng trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Nếu Các Bên không tự giải quyết được thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Điều 14. Các Điều Khoản Khác

- 14.1. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp Đồng phải được Các Bên thỏa thuận và lập thành văn bản. Các bản sửa đổi bổ sung, các phụ lục hợp đồng, và các văn bản liên quan khác là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng.
- 14.2. Trường hợp có điều khoản nào của Hợp Đồng bị vô hiệu theo quyết định của cơ quan giải quyết tranh chấp thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với Các Bên. Các Bên sẽ thương lượng và thỏa thuận để sửa đổi và/hoặc bổ sung lại điều khoản đó theo quy định của pháp luật.
- 14.3. Trường hợp Hợp Đồng được lập thành song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.4. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Khách Hàng trả hết toàn bộ số nợ gồm nợ gốc, lãi, các khoản tiền phạt và các khoản phí, chi phí khác (nếu có).
- 14.5. Hợp Đồng được lập thành ba (03) bản có giá trị như nhau; Khách Hàng giữ một (01) bản và Ngân Hàng giữ hai (02) bản.



- 14.6. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Mỗi Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên vào Hợp Đồng.
- 14.7. Khách Hàng xác nhận rằng Ngân Hàng đã cung cấp, giải thích chi tiết, đầy đủ và Khách hàng đã hiểu rõ, đồng ý với toàn bộ thông tin về khoản cấp tín dụng, nội dung Hợp Đồng này và các vấn đề khác có liên quan đến khoản cấp tín dụng.